

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 1917/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Bia ghi công tri ân các Anh hùng liệt sĩ tỉnh Thanh Hóa
tại Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Đường 9, tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình bia ghi công tri ân các anh hùng liệt sĩ tỉnh Thanh Hóa tại Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Đường 9, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 489/SXD-XDCB ngày 11/5/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị về việc thông báo kết quả thẩm định BCKTKT đầu tư xây dựng công trình Bia ghi công tri ân các anh hùng liệt sĩ tỉnh Thanh Hóa tại Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Đường 9;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1554/TTr-SLĐTBXH ngày 18/5/2017 và Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 2683/SXD-HĐXD ngày 26/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Bia ghi công tri ân các Anh hùng liệt sĩ tỉnh Thanh Hóa tại Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Đường 9, tỉnh Quảng Trị với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Bia ghi công tri ân các Anh hùng liệt sĩ tỉnh Thanh Hóa tại Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Đường 9, tỉnh Quảng Trị.

2. Tên chủ đầu tư: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng công trình bia ghi công tri ân các Anh hùng liệt sĩ tỉnh Thanh Hóa tại Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Đường 9, tỉnh Quảng Trị nhằm ghi công, tưởng nhớ các Anh hùng liệt sĩ tỉnh Thanh Hóa đã anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; thể hiện sự biết ơn của Đảng bộ và nhân

dân tỉnh Thanh Hóa đối với những người đã hy sinh cho nền độc lập, thống nhất đất nước và giáo dục truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước cho các thế hệ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Địa điểm xây dựng: Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Đường 9, Quốc lộ 9, phường IV, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

5. Nội dung đầu tư và giải pháp thiết kế chính:

5.1. Nội dung đầu tư:

Xây dựng 02 khu (khu 1 và khu 2) tưởng niệm 476 liệt sĩ quê hương Thanh Hoá; mỗi khu gồm: 01 bia ghi công và sân vườn, cây xanh, tường rào bao quanh.

a. Khu 1: Có diện tích khoảng 539 m² bố trí xây dựng các hạng mục như sau:

- Sân chính có diện tích khoảng 118 m² có các hạng mục:

+ Bia ghi công tri ân các Anh hùng liệt sĩ tỉnh Thanh Hóa. Bia gia công bằng đá xanh Thanh Hóa, chiều cao khoảng 3,43m. Chiều rộng khoảng 1,79m được đặt trên bệ đá xanh Thanh Hóa.

+ Bàn lễ: Sử dụng bàn lễ hiện có.

+ Lư hương: Gia công bằng đá xanh Thanh Hóa.

+ Rùa đội hạc: Gia công bằng đá xanh Thanh Hóa.

+ Mặt sân lát đá xanh Thanh Hóa đục hoa văn bề mặt.

+ Lan can gia công bằng đá xanh Thanh Hóa bao quanh.

+ Các bồn hoa thấp trồng tạo cảnh quan.

- Sân dưới và lối vào chính có diện tích khoảng 325m².

+ Sân lát đá tự nhiên, xung quanh là ghé đá, hệ lan can, bồn hoa thấp tạo cảnh quan.

+ Biển ghi tên di chuyển từ vị trí hiện trạng đến vị trí đặt mới.

- Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

b. Khu 2:

- Khu vực có diện tích khoảng 55 m². Trên có bia ghi công tri ân các anh hùng liệt sĩ tỉnh Thanh Hóa. Bia gia công bằng đá xanh Thanh Hóa, chiều cao khoảng 2,61m. Chiều rộng khoảng 1,34 m được đặt trên bệ đá xanh Thanh Hóa.

- Sử dụng lại bàn lễ, lò hóa vàng và lư hương hiện trạng, bổ sung đôi Hạc đứng trên lưng Rùa bằng đá tự nhiên.

- Hệ bậc cấp, lát sân gia công bằng đá tự nhiên, hệ lan can đá bao quanh sân.

5.2. Giải pháp thiết kế chính:

a. Khu 1:

- Sân vườn: Nền sân đổ bê tông đá 40x60 M100 dày 10cm, diện tích 431m², lát đá xanh Thanh Hóa, Kt: 400x400x40 (băm nhám thô mặt và băm nhám mịn tạo hoa văn) vữa lót xi măng M50. Bó vỉa đá xanh KT 600x150x150, chiều dài 106m. Vườn hoa trồng cỏ lá gừng, các loại cây cảnh.

- Lan can, bậc cấp: Kết cấu móng đá hộc vữa xi măng M50, giằng bê tông cốt thép (BTCT) đá 10x20 M200. Bậc cấp đá xanh 600x300x150. Tường, trụ lan can, ghế đá bằng đá xanh nguyên khối chạm trổ hoa văn, gờ chỉ có mộng khớp nối, gắn kết hoa văn nguyên chất và keo chuyên dụng.

- Bia tường niệm (01 cái): KT 0,53x1,79x3,43m. Kết cấu móng, trụ BTCT cấp độ bền B20 khung đỡ chịu lực chính. Thân bia ghép nối từ các khối đá xanh bằng xi măng nguyên chất và keo chuyên dụng. Các mặt đứng gia công trạm trổ các chi tiết trang trí theo chỉ định của thiết kế.

- Lư hương (01 cái): KT 1,1x0,9x1,26m. Chế tác bằng đá xanh nguyên khối màu ghi nhạt, mặt đục chạm hoa văn trang trí.

- Hạc đá (2 con): Chiều cao 1,62m (tính cả bệ đặt) gia công mô phỏng hình tường con hạc bằng đá xã nguyên khối.

b. Khu 2:

- Sân vườn: Nền sân đổ bê tông đá 40x60 M100 dày 10cm, diện tích 48,470m², lát đá xanh Thanh Hóa, Kt: 400x400x40 (băm nhám thô mặt và băm nhám mịn tạo hoa văn) vữa lót xi măng M50. Bó vỉa đá xanh KT 600x150x150.

- Lan can, bậc cấp: Kết cấu móng đá hộc vữa xi măng M50, giằng BTCT đá 10x20 M200. Tường, trụ lan can bằng đá xanh nguyên khối chạm trổ hoa văn, gờ chỉ có mộng khớp nối, gắn kết hoa văn nguyên chất và keo chuyên dụng. Bậc cấp đá xanh KT 400x40.

- Bia tường niệm (01 cái): KT 0,4x1,34x2,61m. Kết cấu móng, trụ BTCT cấp độ bền B20 khung đỡ chịu lực chính. Thân bia ghép nối từ các khối đá xanh bằng xi măng nguyên chất và keo chuyên dụng. Các mặt đứng gia công trạm trổ các chi tiết trang trí theo chỉ định của thiết kế.

- Hạc đá (2 con): Chiều cao 1,62m (tính cả bệ đặt) gia công mô phỏng hình tường con hạc bằng đá xã nguyên khối.

6. Hình thức đầu tư: Đầu tư xây mới.

7. Tổng mức đầu tư: 3.858.402.000 đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ, tám trăm năm tám triệu, bốn trăm linh hai nghìn đồng)

Trong đó:

- Kinh phí xây lắp	:	3.178.470.000 đồng;
- Chi phí QLDA	:	87.821.000 đồng;
- Chi phí TV đầu tư XD	:	234.714.000 đồng;
- Chi phí khác	:	173.664.000 đồng;
- Dự phòng	:	183.733.000 đồng.

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn cân đối ngân sách tỉnh.

9. Hình thức thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2017.

Điều 2.

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (chủ đầu tư) căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình.

2. Các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

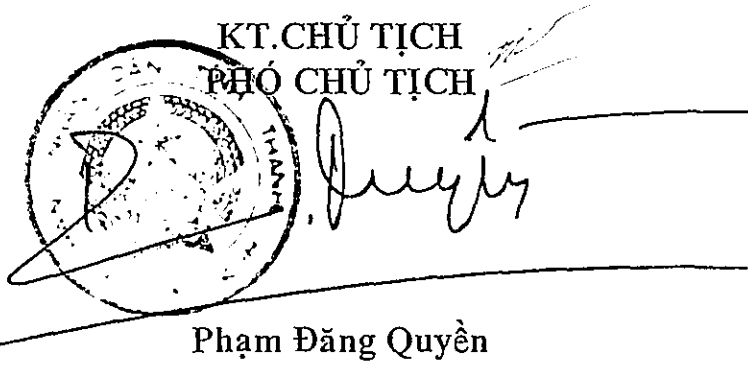
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, VX.NCC72

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
BIA GHI CÔNG TRÌNH AN GÁC AHLS TỈNH THANH HÓA TẠI NGHĨA TRANG LIỆT SỸ QG ĐƯỜNG 9

(Kèm theo Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gepxd				2.889.518.000,	288.951.800,	3.178.470.000,
	Chi phí xây dựng công trình	Gxd			$Gxd.1 + Gxd.2$	2.889.518.000,	288.951.800,	3.178.470.000,
	KHU 1	Gxd.1				2.363.135.000,	236.313.500,	2.599.449.000,
	KHU 2	Gxd.2				526.383.000,	52.638.300,	579.021.000,
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	2,763 %		$2,763\% \times Gxd$	79.837.000,	7.983.700,	87.820.700,
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			$Gtv1 : Gtv34$	213.376.000,	21.338.000,	234.714.000,
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv1			Dự toán	128.020.000,	12.802.000,	140.822.000,
3.2	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	Gtv2	0,388 %		$0,388\% \times GXD$ (Dự toán gói thầu)	11.211.000,	1.121.100,	12.332.100,
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv4	2,566 %		$2,566\% \times Gxd$	74.145.000,	7.414.500,	81.559.500,
4	Chi phí khác	Gk			$Gk1 : Gk10$	164.129.000,	9.535.000,	173.664.000,
4.1	Chi phí hạng mục chung	Gk1				86.686.000,	8.668.554,	95.354.000,
4.2	Chi phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk2	0,126 %		$0,126\% \times Gxd$	3.641.000,		3.641.000,
4.3	Chi phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk3	0,122 %		$0,122\% \times Gxd$	3.525.000,		3.525.000,
4.4	Chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 176/2011/TT-BTC)	Gk4	0,019 %		$0,019\% \times TMĐT$	532.000,		532.000,
4.5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk5	$0,95\% \times 50\%$		$0,095\% \times 50\% \times TMĐT$	13.300.000,		13.300.000,
4.6	Chi phí kiểm toán độc lập	Gk6	1,6 %			44.800.000,		44.800.000,
4.7	Chi phí bảo hiểm công trình	Gk7	0,3 %		$0,3\% \times Gxd$	8.669.000,	866.900,	9.536.000,

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
4.8	Chi phí thẩm định hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gk8	0,5 %		$0,5\% * (Gxd + Gk1 + Gk2)$	1.488.000,		1.488.000,
4.9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gk9	0,5 %		$0,5\% * (Gxd + Gk1 + Gk2)$	1.488.000,		1.488.000,
5	Chi phí dự phòng	Gdp			Gdp	167.030.000,	16.703.000,	183.733.000,
5.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	5, %		$5\% * (Gcpxd + Gtb + Gqlda + Gtv + Gk)$	167.030.000,	16.703.000,	183.733.000,
	TỔNG CỘNG	Gtmdt				3.513.890.000,	344.512.000,	3.858.402.000,

Bằng chữ : Ba tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm linh hai nghìn đồng chẵn./.